

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2021/HNGĐ-ST

Ngày 07 tháng 4 năm 2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ma Văn Nhất.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/Bà Võ Thị Hồng Vân – Các bộ hội phụ nữ phường Thới An.

2/ Bà Huỳnh Thị Tuyết Vân –Nguyên hiệu phó trường Hà Huy Giáp.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Ngọc Thành Nguyên - Cán bộ Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 12 đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1148/2020/TLST-HN, ngày 17/11/2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 53/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* **Ông Nguyễn Quốc T**, sinh năm: 1972

Hộ khẩu thường trú: B, đường HT, khu phố A, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Trú tại: F, Giáng Hương, tổ B, khu phố A, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Chỗ ở: A, Trần Thị H, tổ 42, khu phố 4, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh – có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Thanh Thúy**, sinh năm: 1976

Hộ khẩu thường trú: B, đường HT, khu phố A, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Trú tại: F, Giáng Hương, tổ B, khu phố A, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Tôi và bà Trần Thị Thanh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2007, Giấy chứng nhận kết hôn số 13 do Ủy ban nhân dân phường Vị Xuyên, Thành phố Nam Định cấp ngày 23/02/2007. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng tăng và không thể hàn gắn, tôi cảm thấy hai vợ chồng không thể nào hòa hợp chung sống với nhau được nữa. Nay, tôi yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với bà Trần Thị Thanh T

- Về con chung: có 02 con chung, Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 14/12/2007 và Nguyễn Hải Nam, sinh ngày 15/12/2012. Ông Nguyễn Quốc T yêu cầu được nuôi 2 con chung, không yêu cầu bà Trần Thị Thanh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Đúng là tôi và ông Nguyễn Quốc T có đăng ký kết hôn vào năm 2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 do Ủy ban nhân dân phường Vị Xuyên, Thành phố Nam Định cấp ngày 23/02/2007. Trong quá trình sinh sống có xảy ra mâu thuẫn, nhưng không nghiêm trọng. Nay với yêu cầu của ông Nguyễn Quốc Tuấn, tôi không đồng ý, tôi còn yêu thương gia đình và đề nghị Tòa án cho chúng tôi thêm thời gian để hòa giải đoàn tụ gia đình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Về nội dung đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ kiện ly hôn, bà Trần Thị Thanh T là bị đơn và đang cư ngụ tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ kiện

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo quy định tại Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về yêu cầu của các đương sự*:

Căn cứ vào các lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu của đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định:

Ông Nguyễn Quốc T và bà Trần Thị Thanh T đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 do Ủy ban nhân dân phường Vị Xuyên, Thành phố Nam Định cấp ngày 23/02/2007. Có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân ông Nguyễn Quốc T và bà Trần Thị Thanh T là hôn nhân hợp pháp.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc T và bà Trần Thị Thanh T tự nguyện kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm.

Ông Nguyễn Quốc T yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Thanh T do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng không phù hợp quan điểm sống. Về con chung: có 02 con chung, Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 14/12/2007 và Nguyễn Hải N, sinh ngày 15/12/2012. Ông Nguyễn Quốc T yêu cầu được nuôi 2 con chung, không yêu cầu bà Trần Thị Thanh T cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị Thanh T trong bản tự khai, các buổi hòa giải và tại phiên tòa trình bày: Mâu thuẫn là do gần đây ông Tuấn có được khoản tiền thừa kế nhưng sau đó đã cho hết anh em trong gia đình bên chồng mà không trao đổi với bà. Trong lúc nóng giận, bà Thúy có xúc phạm ông Tuấn nên ông Tuấn nộp đơn ly hôn ra Tòa án nhân dân Quận 12. Sau đó bà Thúy đã xin lỗi ông T nhiều lần, bản thân ông Tuấn vẫn tốt với gia đình, các con cần được chăm sóc cả bố lẫn mẹ....bà T đề nghị cho Tòa án xem xét và hòa giải đoàn tụ gia đình.

Tại các bản khai của trẻ Nguyễn Ngọc Phương U và Nguyễn Hải N có trình bày: Con không đồng ý bố mẹ ly hôn, con không muốn gia đình phải chia cách, con mong muốn gia đình đoàn tụ như trước đây.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, tại Kết quả xác minh của Hội phụ nữ phường Hiệp Thành có ghi nhận: Mâu thuẫn trong gia đình Hội LHPN phường không rõ. Chị Trần Thị Thanh T sau khi Hội tiếp xúc có ý nguyện không muốn ly hôn, mong muốn gia đình được hàn gắn.

Xét, giữa ông T và bà Th có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không trầm trọng để chấm dứt quan hệ hôn nhân. Vì quyền lợi của các trẻ đang cần sự ổn định cuộc sống, học tập và quan tâm chăm sóc của cả cha lẫn mẹ, đồng thời tạo điều kiện thời gian để hai bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do đó, Hội đồng xét xử bác yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Quốc T đối với bà Trần Thị Thanh Thúy

Về con chung: có 02 con chung, Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 14/12/2007 và Nguyễn Hải N, sinh ngày 15/12/2012. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông Nguyễn Quốc T phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Bác yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Quốc Tuấn

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T xin được ly hôn đối với bà Trần Thị Thanh T.

2/ Về con chung: có 02 con chung, Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 14/12/2007 và Nguyễn Hải N, sinh ngày 15/12/2012. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Quốc T đối với bà Trần Thị Thanh T nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề con chung.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông Nguyễn Quốc T phải chịu. Được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Nguyễn Quốc T

đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0105537 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Quốc T và bà Trần Thị Thanh T được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát Quận 12 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 1 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND Quận 12;
- UBND phường Vị Xuyên;
- Chi cục THA Dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Văn Nhất